

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2021/HNGĐ-ST.

Ngày 30 - 7 - 2021.

V/v: “ Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Mạnh Trường

Ông Nguyễn Văn Chuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trục Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2021/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2021 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/7/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1981. Trú tại: Số 07 ngách 132/78, tổ dân phố N, phường M, quận B, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1982. Trú tại: Xóm Đ, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị M, anh L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Văn L ngày 12 tháng 11 năm 2008 có được tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M, quận B, thành phố Hà Nội. Sau khi cưới vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 7 năm 2011 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh L không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Tháng 8 năm 2011 anh L bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay anh L đang sinh sống tại xóm Đ, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. Xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị xin ly hôn để ổn định cuộc sống.

Do mâu thuẫn giữa chị và anh L trầm trọng, thời gian sống ly thân đã lâu nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì tình hình dịch Covid 19 phức tạp nên chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là Trần Gia H sinh ngày 07 tháng 7 năm 2011. Hiện nay con chung đang ở với chị. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh chị không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/7/2021 anh Trần Văn L trình bày: Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án về việc chị M có đơn xin ly hôn anh. Anh có quan điểm như sau:

Về tình cảm: Anh xác định thời gian kết hôn, quá trình chung sống như chị M trình bày. Nay chị M có đơn xin ly hôn, anh nhận thấy tình cảm của anh không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là Trần Gia H sinh ngày 07 tháng 7 năm 2011, đang ở với chị M. Khi ly hôn anh đồng ý để chị M nuôi dưỡng cháu H. Vì điều kiện anh đang không có việc làm, không có thu nhập nên anh không có điều kiện cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh L đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại phiên tòa: Chị M anh L đều xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Văn L đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận B, thành phố Hà Nội ngày 12 tháng 11 năm 2008, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến tháng 7 năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2011 đến nay không ai quan tâm đến ai.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh L đã thực sự tan vỡ, vợ chồng sống ly thân đã lâu. Chị M có đơn xin ly hôn, anh L đồng ý ly hôn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa, yêu cầu xin ly hôn của chị M là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có con chung là Trần Gia H sinh ngày 07 tháng 7 năm 2011, đang ở với chị M. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Anh L đồng ý để chị M nuôi cháu H và không có điều kiện cấp dưỡng.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung và điều kiện hiện nay của anh chị, HĐXX xét thấy: Hiện nay cháu H đang ở với chị M. Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng và ổn định việc học tập đối với con chung, HĐXX thấy cần giao cháu H cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị M. Chấp nhận sự tự nguyện của chị về việc không yêu cầu anh L cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị M có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung Trần Gia H sinh ngày 07 tháng 7 năm 2011. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M về việc không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Trần Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn ; không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0002400 ngày 04/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị M phải nộp. Chị M đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M, anh Trần Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã V;
- UBND phường M, quận B, TP Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng